

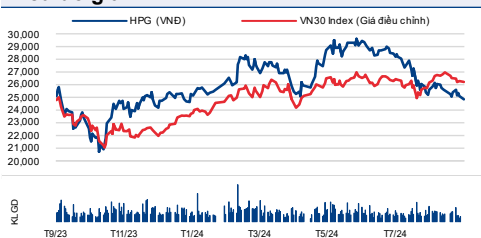
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ33,800
Tiềm năng tăng/giảm: 36.0%

Giá cổ phiếu (đồng) (16/9/2024)	24,850
Mã Bloomberg	HPG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	20,727-29,600
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	24,983
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	158,947
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	6,476
Slg CP lưu hành (tr.đv)	6,396
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	3,134
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,600
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	24.0%
Tỷ lệ freefloat	54.1%
Cổ đông lớn	Trần Đình Long (26.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	118,953	132,045	154,348
EBITDA đc (tỷ đồng)	16,443	22,413	30,198
LNTT (tỷ đồng)	7,793	12,516	16,886
LNT ĐC (tỷ đồng)	6,493	10,654	14,693
FCF (tỷ đồng)	(7,881)	(23,953)	(6,984)
EPS ĐC (đồng)	1,117	1,666	2,297
DPS (đồng)	0	500	1,000
BVPS (đồng)	17,674	18,642	20,439
T.trưởng EBITDA (%)	(17.3)	36.3	34.7
T.trưởng EPS ĐC (%)	(19.4)	49.2	37.9
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	100
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	13.8	17.0	19.6
Tỷ suất LNTT (%)	6.55	9.48	10.9
Tỷ suất LNT ĐC (%)	5.75	8.49	10.0
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	28.5	41.4
Nợ thuần/VCSH (%)	52.4	51.8	53.7
ROAE (%)	6.88	10.1	12.4
ROACE (%)	8.62	10.7	12.8
EV/doanh thu (lần)	1.48	1.57	1.38
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.7	9.23	7.05
P/E ĐC (lần)	22.3	14.9	10.8
P/B (lần)	1.41	1.33	1.22
Lợi suất cổ tức (%)	0	2.01	4.02

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Hòa Phát là Tập đoàn sản xuất công nghiệp hàng đầu Việt Nam với bốn mảng kinh doanh chính bao gồm: Thép xây dựng, Ống thép & Tôn, Bất động sản & Khu công nghiệp và Nông nghiệp.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Sản lượng tiêu thụ tháng 8: tăng 38% so với cùng kỳ, vượt dự báo nhờ xuất khẩu mạnh

- Sản lượng tiêu thụ của HPG trong tháng 8 đạt 842.147 tấn, tăng mạnh 38% so với cùng kỳ và 13% so với tháng trước, bất chấp sự sụt giảm mạnh của giá thép toàn cầu và ảnh hưởng của tháng 7 âm lịch. Kết quả này có được chủ yếu nhờ vào nhu cầu ổn định từ các thị trường xuất khẩu.
- Sản lượng tiêu thụ thép xây dựng đạt 378.425 tấn, tăng 23% so với cùng kỳ và tăng 9% so với tháng trước. Trong khi đó, sản lượng tiêu thụ HRC đã tăng trưởng trở lại (tăng 8% so với cùng kỳ và 11% so với tháng trước) nhờ nhu cầu xuất khẩu tăng sau 4 tháng liên tiếp giảm từ tháng 4/2024.
- Nhu cầu dự kiến sẽ phục hồi vào cuối năm khi các nỗ lực tái xây dựng ở miền Bắc diễn ra sau bão Yagi, cùng với các yếu tố mùa vụ. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào đối với HPG với giá mục tiêu 33.800đ (tiềm năng tăng giá: 36%).

Sự kiện: Công bố sản lượng tiêu thụ tháng 8/2024

Ngày 16/9/2024, Hiệp hội Thép Việt Nam đã công bố báo cáo tổng quan hàng tháng. Theo đó, trong tháng 8, HPG đã bán được tổng cộng 842.147 tấn sản phẩm thép, tăng 38% so với cùng kỳ và 13% so với tháng trước. Kết quả này rất đáng khích lệ và được thúc đẩy bởi nhu cầu xuất khẩu mạnh mẽ, bất chấp tâm lý thị trường yếu do giá thép toàn cầu giảm mạnh và ảnh hưởng của tháng 7 âm lịch tại thị trường Việt Nam. Nhu cầu đối với mọi loại sản phẩm đã phục hồi, cụ thể như sau:

Nhu cầu thép xây dựng phục hồi nhờ hoạt động xuất khẩu

Trong tháng 8, HPG đã bán được tổng cộng 378.425 tấn thép xây dựng, tăng 23% so với cùng kỳ và 9% so với tháng trước, bất chấp ảnh hưởng của tháng 7 âm lịch tại thị trường Việt Nam và tâm lý thị trường yếu do giá thép toàn cầu giảm mạnh. Sản lượng tiêu thụ rất đáng khích lệ này được hỗ trợ bởi:

- Sản lượng xuất khẩu tăng lên mức 138.361 tấn, tăng 41% so với cùng kỳ và 90% so với tháng trước, với các thị trường chính là các quốc gia châu Á.
- Sản lượng tiêu thụ trong nước bị ảnh hưởng phần nào bởi tác động của tháng 7 âm lịch và tâm lý thị trường yếu do giá thép giảm. Theo đó, sản lượng tiêu thụ trong nước đạt 240.064 tấn, giảm 13% so với tháng trước nhưng vẫn duy trì được sự ổn định, tăng 15% so với cùng kỳ.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 16/9.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Sản lượng tiêu thụ trong tháng 8 & 8 tháng đầu năm 2024, HPG

Sản lượng tiêu thụ tăng mạnh, dẫn dắt bởi hoạt động xuất khẩu

Tân	T8/2024	% so với cùng kỳ	% so với tháng trước	8T2024	% so với cùng kỳ
SP thượng nguồn	734,589	31.7%	15.9%	5,414,639	34.7%
Thép xây dựng	378,425	23.3%	9.0%	2,953,322	32.9%
Phôi thép	96,365	908.7%	83.8%	437,714	811.8%
HRC	259,799	7.6%	10.9%	2,023,603	15.7%
Ống thép	59,621	46.5%	-9.2%	442,630	0.6%
Tôn mạ	47,937	301.1%	8.8%	314,095	43.0%
Tổng sản lượng tiêu thụ	842,147	37.9%	13.3%	6,171,364	31.9%
Sản lượng thép thô	709,511	3.4%	-2.8%	5,808,194	38.9%

Nguồn: VSA, HSC

Tính chung 8 tháng đầu năm 2024, sản lượng tiêu thụ của thép xây dựng tăng 33% so với cùng kỳ, đạt 2,95 triệu tấn. Trong đó, sản lượng tiêu thụ trong nước chiếm 71% tổng nhu cầu (so với mức 82% trong 8 tháng đầu năm 2023); 29% còn lại đến từ xuất khẩu (so với mức 18% trong 8 tháng đầu năm 2023).

Sản lượng tiêu thụ HRC đã phục hồi trở lại so với cùng kỳ và so với tháng trước

Sau 4 tháng giảm liên tiếp từ tháng 4/2024, sản lượng tiêu thụ HRC trong tháng 8 đã phục hồi ấn tượng đạt 259.799 tấn, tăng 8% so với cùng kỳ và 11% so với tháng trước, được thúc đẩy chủ yếu bởi xuất khẩu.

- Xuất khẩu giữ vai trò quan trọng trong tháng này với sản lượng xuất khẩu đạt 102.456 tấn, tăng 77% so với tháng trước mặc dù giảm 10% so với cùng kỳ.
- Sản lượng tiêu thụ trong nước đạt 157.343 tấn, tăng 24% so với cùng kỳ nhờ nhu cầu cao hơn từ các nhà sản xuất tôn mạ/ống thép ở Việt Nam, sau cuộc điều tra về hoạt động bán phá giá đối với HRC nhập khẩu từ Trung Quốc và Ấn Độ gần đây. Trong khi đó, do ảnh hưởng của tháng 7 âm lịch, sản lượng tiêu thụ trong nước đã giảm 11% so với tháng trước, nhưng HSC cho rằng đây vẫn là kết quả ổn định.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2024, sản lượng tiêu thụ HRC đạt 2,02 triệu tấn, tăng 16% so với cùng kỳ. Trong đó, xuất khẩu chiếm 33% (so với mức 40% trong 8 tháng đầu năm 2023) và tiêu thụ trong nước chiếm 67% (so với mức 60% trong 8 tháng đầu năm 2023).

Sản lượng tiêu thụ phôi thép đạt mức cao nhất kể từ cuối năm 2021

Sản lượng tiêu thụ phôi thép của HPG tăng mạnh lên mức 96.365 tấn trong tháng 8, tương đương tăng gấp 10 lần so với cùng kỳ và tăng 84% so với tháng trước. Sự tăng trưởng này chủ yếu được thúc đẩy bởi việc tập trung vào các thị trường xuất khẩu, giúp bù đắp cho tác động của nhu cầu trong nước suy giảm trong tháng 7 âm lịch. Việc HPG chủ động tìm kiếm thị trường mới cho thấy sự linh hoạt và cam kết của công ty trong việc tối đa hóa công suất sản xuất. Điều này gợi nhớ đến năm 2021, khi nhu cầu trong nước bị ảnh hưởng nặng nề bởi các biện pháp giãn cách xã hội do đại dịch. Vào thời điểm đó, HPG đã tích cực thúc đẩy hoạt động xuất khẩu phôi thép và vẫn tìm ra cách thức tốt nhất để cải thiện HĐKD. Trong 8 tháng đầu năm 2024, HPG đã bán được tổng cộng 437.714 tấn phôi thép, tăng 812% so với cùng kỳ.

Về hoạt động sản xuất của nhà máy, sản lượng thép thô trong tháng 8 đạt 709.511 tấn, tăng 3,4% so với cùng kỳ nhưng giảm 2,8% so với tháng trước, tương đương công suất hoạt động 100%.

Sản lượng tiêu thụ tôn mạ và ống thép ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ

HPG đã bán được tổng cộng 47.937 tấn tôn mạ trong tháng 8, tăng 301% so với cùng kỳ và 9% so với tháng trước, được hỗ trợ bởi nhu cầu xuất khẩu mạnh mẽ, đạt 29.571 tấn, tăng 9% so với tháng trước (so với 519 tấn trong tháng 8/2023). Tính chung 8 tháng đầu năm 2024, sản lượng tiêu thụ tôn mạ tăng 43% so với cùng kỳ, đạt 314.095 tấn.

Về phân khúc ống thép, HPG đã bán tổng cộng 59.621 tấn, tăng 47% so với cùng kỳ nhưng giảm 9% so với tháng trước do yếu tố mùa vụ. Tính chung 8 tháng đầu năm 2024, sản lượng tiêu thụ đạt 442.630 tấn, không đổi so với cùng kỳ năm ngoái. Do nhu cầu về ống thép thường được thúc đẩy bởi thị trường trong nước nên sự yếu kém của nhu cầu trong nước cũng đã ảnh hưởng phần nào đến sự phục hồi nhu cầu ống thép.

Giá thép đã ổn định lại sau đợt giảm mạnh

Sau khi giảm mạnh vào tháng 8 và đầu tháng 9, giá thép đã phục hồi nhẹ trong tuần này. Nỗ lực của chính phủ Trung Quốc trong việc kiểm chế sản xuất thép và kích thích thị trường BĐS đã góp phần vào sự ổn định này. Ngoài ra, mức

tồn kho giảm ở Trung Quốc, sau các hoạt động giải phóng hàng tồn kho mạnh mẽ của các nhà sản xuất thép vào tháng trước cũng đã hỗ trợ cho giá phục hồi.

Do đó, giá thép tại Trung Quốc đã tăng 3% đối với cả sản phẩm HRC lẫn thép thanh, đạt lần lượt 445 USD/tấn và 460 USD/tấn. Điều này sẽ giúp ổn định tâm lý thị trường và khôi phục nhu cầu. Lưu ý, nhu cầu tại thị trường Việt Nam thường cải thiện về cuối năm, và sẽ được hỗ trợ thêm bởi nhu cầu gia tăng sau bão Yagi.

Do đó, HSC tin rằng nhu cầu đối với các sản phẩm thép, bao gồm cả sản phẩm của HPG, sẽ tiếp tục cải thiện về cuối năm. Mặc dù bị ảnh hưởng ngắn hạn bởi khả năng phải trích lập dự phòng hàng tồn kho (do giá thép và chi phí đầu vào giảm mạnh), tỷ suất lợi nhuận dự kiến sẽ cải thiện từ Q4/2024 trở đi khi giá quặng sắt và than cốc bắt đầu rẻ hơn.

Duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu giữ nguyên là 33.800đ

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào đối với HPG ở giai đoạn này. Giá cổ phiếu giảm sẽ là cơ hội tốt để nhà đầu tư mua vào cổ phiếu. Tiến trình áp thuế chống bán phá giá (CBPG) đối với HRC nhập khẩu từ Trung Quốc và Ấn Độ đã bị trì hoãn thêm một tháng. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn tin rằng việc áp dụng một biện pháp tạm thời sẽ sớm được công bố vào cuối năm nay hoặc đầu năm sau. Đây sẽ là một động lực lớn cho HPG. Trong khi đó, chúng tôi kỳ vọng thuế CBPG tạm thời đối với tôn mạ nhập khẩu sẽ được triển khai sớm vào cuối năm nay.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	141,409	118,953	132,045	154,348	181,382
Lợi nhuận gộp	16,763	12,938	17,593	23,868	28,921
Chi phí BH&QL	(3,685)	(3,269)	(3,829)	(4,476)	(5,079)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	13,078	9,669	13,763	19,391	23,842
Lãi vay thuần	(3,283)	(2,018)	(1,313)	(2,582)	(3,655)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(1.07)	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	129	142	66.0	77.2	90.7
LNTT	9,923	7,793	12,516	16,886	20,278
Chi phí thuế TNDN	(1,479)	(992)	(1,252)	(1,351)	(1,622)
Lợi ích cổ đông thiểu số	39.1	34.7	(50.0)	(69.0)	(82.8)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	8,484	6,835	11,215	15,467	18,573
Lợi nhuận thuần ĐC	8,059	6,493	10,654	14,693	17,644
EBITDA ĐC	19,893	16,443	22,413	30,198	36,267
EPS (đồng)	1,459	1,175	1,753	2,418	2,904
EPS ĐC (đồng)	1,386	1,117	1,666	2,297	2,759
DPS (đồng)	0	0	500	1,000	1,500
Slg CP bình quân (triệu đv)	5,815	5,815	6,396	6,396	6,396
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	5,815	5,815	6,396	6,396	6,396
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	5,815	5,815	6,396	6,396	6,396

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	8,325	12,267	14,657	16,217	28,267
Đầu tư ngắn hạn	26,268	22,162	13,205	15,435	18,138
Phải thu khách hàng	9,893	10,702	13,205	15,435	18,138
Hàng tồn kho	34,491	34,504	38,293	44,761	52,601
Các tài sản ngắn hạn khác	1,538	3,081	4,622	6,174	8,162
Tổng tài sản ngắn hạn	80,515	82,716	83,981	98,021	125,306
TSCĐ hữu hình	83,562	97,886	123,576	132,476	119,881
TSCĐ vô hình	634	211	232	255	281
Bất động sản đầu tư	629	594	567	538	506
Đầu tư dài hạn	0	40.0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0.70	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4,995	6,335	6,250	7,287	8,546
Tổng tài sản dài hạn	89,821	105,066	130,626	140,556	129,214
Tổng cộng tài sản	170,336	187,783	214,607	238,577	254,520
Nợ ngắn hạn	46,749	54,982	55,459	58,652	63,484
Phả trả người bán	11,107	12,387	13,205	15,435	18,138
Nợ ngắn hạn khác	3,020	2,457	2,224	2,172	2,222
Tổng nợ ngắn hạn	62,385	71,513	72,760	78,448	86,417
Nợ dài hạn	11,152	10,399	20,152	26,870	23,511
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	31.2	30.0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	597	2,948	2,339	2,340	2,342
Tổng nợ dài hạn	11,780	13,378	22,491	29,210	25,853
Tổng nợ phải trả	74,223	84,946	95,252	107,658	112,270
Vốn chủ sở hữu	96,007	102,771	119,239	130,735	141,983
Lợi ích cổ đông thiểu số	106	65.8	116	185	268
Tổng vốn chủ sở hữu	96,113	102,836	119,355	130,919	142,250
Tổng nợ phải trả và VCSH	170,336	187,783	214,607	238,577	254,520
BVPS (đ)	16,511	17,674	18,642	20,439	22,198
Nợ thuần*/(tiền mặt)	49,576	53,114	60,954	69,305	58,728

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	13,078	9,669	13,763	19,391	23,842
Khấu hao	(6,814)	(6,773)	(8,650)	(10,806)	(12,425)
Lãi vay thuần	(3,283)	(2,018)	(1,313)	(2,582)	(3,655)
Thuế TNDN đã nộp	(1,242)	(560)	(1,252)	(1,351)	(1,622)
Thay đổi vốn lưu động	(5,765)	(6,243)	(10,590)	(15,951)	(19,848)
Khác	(3,777)	(3,753)	(2,419)	(3,406)	(4,605)
LCT thuần từ HKKD	12,192	9,472	10,381	12,715	14,628
Đầu tư TS dài hạn	(17,966)	(17,353)	(34,335)	(19,699)	177
Góp vốn & đầu tư	(53,800)	(38,417)	8,865	(2,253)	(2,731)
Thanh lý	47,055	42,969	111	159	135
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(24,712)	(12,801)	(25,359)	(21,792)	(2,419)
Cổ tức trả cho CSH	(2,247)	(8.01)	(3,198)	(6,396)	(9,594)
Thu từ phát hành CP	4.08	(1.64)	0	0	0
Tăng/giảm nợ	626	7,283	20,565	17,033	9,435
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(1,617)	7,273	17,367	10,637	(160)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	22,471	8,325	12,267	14,657	16,217
LCT thuần trong kỳ	(14,137)	3,944	2,390	1,559	12,050
Ảnh hưởng của tỷ giá	(9.64)	(0.73)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	8,325	12,267	14,657	16,217	28,267
Dòng tiền tự do	(5,774)	(7,881)	(23,953)	(6,984)	14,805

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	11.9	10.9	13.3	15.5	15.9
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	14.1	13.8	17.0	19.6	20.0
Tỷ suất LNT (%)	6.00	5.75	8.49	10.0	10.2
Thuế TNDN hiện hành (%)	14.9	12.7	10.0	8.00	8.00
Tăng trưởng doanh thu (%)	(5.53)	(15.9)	11.0	16.9	17.5
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(54.5)	(17.3)	36.3	34.7	20.1
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(75.4)	(19.4)	64.1	37.9	20.1
Tăng trưởng EPS (%)	(81.1)	(19.4)	49.2	37.9	20.1
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(81.1)	(19.4)	49.2	37.9	20.1
Tăng trưởng DPS (%)	(100)	nm	nm	100	50.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	28.5	41.4	51.7
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	9.09	6.88	10.1	12.4	13.6
ROACE (%)	12.3	8.62	10.7	12.8	14.5
Vòng quay tài sản (lần)	0.81	0.66	0.66	0.68	0.74
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.93	0.98	0.75	0.66	0.61
Số ngày tồn kho	101	119	122	125	126
Số ngày phải thu	29.0	36.8	42.1	43.2	43.4
Số ngày phải trả	32.5	42.6	42.1	43.2	43.4
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	52.5	52.4	51.8	53.7	42.2
Nợ/tài sản (%)	34.5	35.2	35.6	36.3	34.6
EBIT/lãi vay (lần)	3.98	4.79	10.5	7.51	6.52
Nợ/EBITDA (lần)	2.95	4.02	3.41	2.86	2.43
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.29	1.16	1.15	1.25	1.45
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.19	1.48	1.57	1.38	1.10
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.44	10.7	9.23	7.05	5.51
P/E (lần)	17.0	21.1	14.2	10.3	8.56
P/E ĐC (lần)	17.9	22.3	14.9	10.8	9.01
P/B (lần)	1.51	1.41	1.33	1.22	1.12
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	2.01	4.02	6.04

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn